

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

1. Tên công trình: Làm giàu rừng tự nhiên là rừng sản xuất

Thuộc dự án: Thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính (ERPA) bắc trung bộ được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và môi trường) phê duyệt tại Quyết định số 788/QĐ-SNN ngày 17/12/2024 về việc phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2024 nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê.

2. Tên gói thầu: Thi công Làm giàu rừng tự nhiên Nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2024.

3. Mục tiêu công trình:

Nâng cao giá trị và chất lượng của rừng; tăng trữ lượng gỗ; cải thiện cơ cấu tổ thành loài; nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế của rừng; phục hồi và nâng cấp rừng nghèo kiệt, tăng cường chức năng phòng hộ của rừng. Cải thiện cấu trúc và đa dạng loài cây gỗ có giá trị kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp. Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân khi tham gia hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

4. Địa điểm đầu tư:

Tại các lô 1, 2, 3, 4, 5, 6 – khoảnh 6 – tiểu khu 269 – xã Hương Xuân; Lô 1, 2, 3 – khoảnh 6; Lô 1 – khoảnh 7 – tiểu khu 201 thuộc địa bàn hành chính xã Hương Đô, do Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê quản lý.

5. Chủ quản đầu tư: UBND tỉnh Hà Tĩnh

6. Chủ đầu tư: Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê

7. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Xã Hương Đô, tỉnh Hà Tĩnh, được thành lập theo Nghị quyết số 1665/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 trên cơ sở sáp nhập ba xã cũ: Lộc Yên, Hương Trà, Hương Đô. Địa bàn xã nằm ở vùng trung du - miền núi phía Tây tỉnh, tiếp giáp dãy Trường Sơn, có địa hình đồi núi thấp xen kẽ thung lũng hẹp; Diện tích tự nhiên: khoảng 140,83 km, quy mô dân số 14.287 người.

- Xã Hương Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, được thành lập theo Nghị quyết số 1665/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 trên cơ sở sáp nhập ba xã cũ: Hương Lâm, Hương Vĩnh, Hương Xuân. Địa bàn xã nằm ở vùng trung du – miền núi phía Tây Nam của tỉnh, tiếp giáp các xã Hương Trà, Hương Lâm, Hương Liên và Hòa Hải. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp xen kẽ các thung lũng nhỏ, có nhiều khe suối tự nhiên bắt nguồn từ dãy Trường Sơn đổ ra sông Ngàn Sâu. Diện tích tự nhiên: 263,14 km², quy mô dân số 17.422 người.

7.1. Vị trí địa lý

Vùng thiết kế nằm trên địa bàn hành chính 02 xã Hương Xuân (Hương Lâm cũ), Hương Đô (Lộc Yên cũ), có vị trí tiếp giáp với các khoảnh, tiểu khu rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê quản lý, cụ thể từng vùng như sau:

- Khoảnh 6; tiểu khu 269:
- + Phía Tây tiếp giáp khoảnh 5, tiểu khu 269.
- + Phía Đông giáp khoảnh 2, tiểu khu 265.
- + Phía Nam giáp khoảnh 7, 8, tiểu khu 269.
- + Phía Bắc giáp khoảnh 3, tiểu khu 269.
- Khoảnh 6, 7; tiểu khu 201:
- + Phía Tây tiếp giáp khoảnh 1, 2, 3, tiểu khu 210.
- + Phía Đông giáp khoảnh 5, tiểu khu 201.
- + Phía Nam giáp khoảnh 3, tiểu khu 210.
- + Phía Bắc giáp khoảnh 8, tiểu khu 196.

7.2. Đặc điểm địa hình, đất đai, hiện trạng, thực bì

- Địa hình: Địa hình cao, xa, dốc, đường đi lại khó khăn, nhiều đỉnh đông xen lẫn các khe.

- Đất đai: Chủ yếu Đất Feralit đỏ vàng trên đá mẹ phong hóa; Đất feralit đỏ vàng có độ chua nhẹ, độ phì nhiêu ở mức trung bình, giàu sắt và nhôm; Đất dễ bị xói mòn khi mưa lớn, đặc biệt ở các khu vực đồi núi dốc; Độ dày tầng đất: 0,5 đến 1m; tỷ lệ đá lẫn khoảng 18%; Tỷ lệ đá nổi <16% về diện tích; độ nén chặt: chặt; Tình hình xói mòn: trung bình; xếp loại nhóm đất: nhóm đất 2.

- Độ xói mòn: Trung bình.

- Thực bì: Khu vực thiết kế có 02 nhóm thực bì:

+ Thực bì nhóm 2: gồm các loại cỏ (cỏ Tranh, cỏ Lá tre và các loài cỏ khác...). Các loài Tể guột, Dương xỉ, Lau, Chít, Chè vè; Các loài cây bụi (Sim, ngáy hương, chạc chiu, Đom đóm, Ba bét ...) và tre nứa, dây leo có chiều cao dưới 2m, và có tỷ lệ che phủ từ 40 – 70%. Gồm các lô: lô: 1, 3, 4, 5, khoảnh 6 - tiểu khu 269, xã Hương Xuân, diện tích 32,28 ha.

+ Thực bì nhóm 3: gồm các loài Tể guột, Dương xỉ, Lau, Chít, Chè vè; Các loài cây bụi (Sim, Mua, Đom đóm, chạc chiu, ngáy hương, đom, Ba bét ...) và tre nứa, dây leo có chiều cao trên 2m, có tỷ lệ che phủ trên 70%.. Gồm các lô: lô: 1, 2, 3, khoảnh 6 và lô 1 khoảnh 7 - tiểu khu 201, xã Hương Đô; lô: 2, khoảnh 6 - tiểu khu 269, xã Hương Xuân, diện tích 33,72 ha.

7.3. Tình hình khí hậu, thủy văn và các điều kiện tự nhiên khác trong vùng:

*Khí hậu: Vùng thiết kế nuôi dưỡng rừng nằm trong vùng khí hậu có khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia thành bốn mùa rõ rệt.

a. Mùa Xuân

- Thời tiết: Nhiệt độ ẩm dần, trung bình 18-24°C, độ ẩm cao.

- Đặc điểm: Giai đoạn này có mưa phùn và ẩm ướt, cây cối phát triển mạnh, rất thuận lợi cho các loại cây ăn quả và cây lâm nghiệp.

b. Mùa Hè (tháng 5 - tháng 8)

- Thời tiết: Nóng, khô, nhiệt độ cao trung bình 28-35°C.

- Đặc điểm: Ảnh hưởng của gió Lào khô nóng, dễ gây hạn hán ngắn hạn, nhưng mùa hè cũng có các đợt mưa giông xen kẽ, có thể gây ra lũ quét ở một số vùng thấp trũng.

c. Mùa Thu

- Thời tiết: Bắt đầu mát mẻ, nhiệt độ giảm xuống 22-28°C.

- Đặc điểm: Đây là mùa mưa lớn nhất trong năm, thường chịu ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới. Nguy cơ lũ lụt cao, cần chú trọng các biện pháp phòng chống ngập úng và bảo vệ cây .

d. Mùa Đông

- Thời tiết: Lạnh, khô, nhiệt độ trung bình 15-20°C, có lúc xuống dưới 10°C.

- Đặc điểm: Không khí khô, độ ẩm thấp, cây cối cần biện pháp chống rét và giữ ẩm để bảo vệ khỏi ảnh hưởng của gió lạnh Đông Bắc.

+ Nhiệt độ trung bình trong năm: Khoảng 23-25°C.

+ Độ ẩm tương đối cao vào mùa hè (khoảng 80-90%) và thấp hơn vào mùa đông (khoảng 60-70%).

+ Lượng mưa theo tháng:

+ Mùa mưa cao điểm (tháng 8 - tháng 11): Lượng mưa trung bình từ 300-500 mm/tháng, đặc biệt tháng 9 và tháng 10 có thể đạt trên 600 mm do ảnh hưởng của các cơn bão và áp thấp nhiệt đới, dẫn đến nguy cơ lũ lụt.

- Mùa khô (tháng 12 - tháng 4): Lượng mưa trung bình thấp, thường dưới 100 mm/tháng.

* Thủy văn:

Vùng thiết kế có nhiều khe, suối sâu và một số khe cạn, là nơi cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất cho khu vực hạ lưu, người dân xung quanh; trong khu vực có nơi có độ dốc lớn và chịu ảnh hưởng trực tiếp từ mưa lớn vào mùa mưa bão, lũ lụt có thể xảy ra bất ngờ, đặc biệt là khi có sự kết hợp giữa mưa lớn và dòng chảy từ các khe suối. Nhiều vùng trũng trong các xã thường bị ngập úng, gây thiệt hại về cây và cơ sở hạ tầng

7.4. Điều kiện về kinh tế - xã hội:

Theo Nghị Quyết số 1665/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh năm 2025. Xã Hương Đô được thành lập sau khi sát nhập các xã Lộc Yên, Hương Trà và Hương Đô; (xã Lộc Yên cũ là vị trí thiết kế làm giàu rừng); xã Hương Xuân được thành lập từ việc sát nhập các xã Hương Lâm, Hương Vĩnh, Hương Xuân, (xã Hương Lam cũ là vị trí thiết kế làm giàu rừng). Tổng quan có điều kiện kinh tế xã hội cụ thể như sau:

* Xã Hương Đô:

- Dân số: khoảng 14.287 người, mật độ 101,5 người/km², phân bố tập trung ở thung lũng và ven giao thông.

- Kinh tế:

+ Nông – lâm nghiệp là chủ đạo, gồm trồng lúa, ngô, lạc, chè, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Lâm nghiệp: trồng rừng kinh tế (keo, cao su), khai thác lâm sản ngoài gỗ, nuôi ong, trồng cây bản địa.

+ Công nghiệp – TTCN: nhỏ lẻ, chế biến gỗ, chế biến nông sản.

Thương mại – dịch vụ: manh mún, có tiềm năng du lịch sinh thái chưa khai thác.

- Hạ tầng:

+ Có QL15A, đường Hồ Chí Minh, TL553 đi qua.

+ Điện lưới phủ rộng; nước sạch tập trung ở trung tâm; vùng xa dùng nước khe suối, giếng đào.

+ Trường học, trạm y tế cơ bản đáp ứng nhưng thiếu cơ sở hiện đại.

- Xã hội:

+ Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao; sinh kế phụ thuộc vào rừng và đất.

+ Lao động dồi dào nhưng đa phần chưa qua đào tạo nghề.

- Định hướng: phát triển nông – lâm nghiệp bền vững, khai thác kinh tế dưới tán rừng, du lịch sinh thái, xây dựng xã NTM nâng cao.

* Xã Hương Xuân

- Dân số: 17.422 người, mật độ 66,2 người/km²; phân bố tập trung ở các thôn ven khe suối và khu vực thấp.

- Kinh tế:

+ Nông – lâm nghiệp là ngành chủ lực. Người dân trồng chè, keo, cao su, lúa và cây ăn quả; chăn nuôi gia súc, gia cầm.

+ Lâm nghiệp: khai thác gỗ rừng trồng, phát triển lâm sản ngoài gỗ (mây, tre, dược liệu), nuôi ong lấy mật.

+ Thương mại – dịch vụ: quy mô nhỏ, phục vụ nhu cầu nội xã; tiềm năng phát triển du lịch trải nghiệm gắn với sản phẩm nông nghiệp.

- Hạ tầng:

+ Đường liên xã và liên thôn được cải thiện; kết nối với QL15A qua các tuyến đường huyện.

+ Điện lưới quốc gia phủ rộng; một số thôn đã có hệ thống cấp nước tập trung, vùng xa dùng nước giếng và khe suối.

+ Trường học, trạm y tế đáp ứng nhu cầu cơ bản nhưng cần nâng cấp cơ sở vật chất.

- Xã hội:

+ Cộng đồng đoàn kết, duy trì lễ hội truyền thống và các hoạt động văn hóa – thể thao.

+ Tỷ lệ hộ nghèo còn ở mức cao so với bình quân huyện; lực lượng lao động dồi dào nhưng trình độ nghề còn hạn chế.

- Định hướng phát triển: tập trung phát triển nông – lâm nghiệp bền vững, mở rộng kinh tế dưới tán rừng, khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, nâng cao thu nhập và xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

8. Loài cây trồng

Đối với rừng sản xuất là cây bản địa có giá trị kinh tế, đáp ứng mục đích sản xuất, kinh doanh, trồng nhằm nâng cao giá trị và chất lượng của rừng; tăng trữ lượng gỗ; cải thiện cơ cấu tổ thành loài; nâng cao năng suất, tăng cường chức năng phòng hộ của rừng, cải thiện cấu trúc rừng, cây rừng sinh trưởng và phát triển bền vững và phù hợp với điều kiện lập địa của vùng. Trên cơ sở đó quá trình khảo sát thiết kế đơn vị tư vấn và chủ rừng đã chọn loài cây Lim Xanh để trồng bổ sung làm giàu rừng trên diện tích thiết kế (Lim xanh có tên gọi khác là Lim, tên khoa học: *Erythrophloeum fordii* Oliver, thuộc họ thực vật Vang (Caesalpinaceae).

9. Tiêu chuẩn cây trồng:

Tiêu chuẩn cây giống theo TCVN 12714-15:2021, Giống cây lâm nghiệp - cây giống các loài cây bản địa - Phần 15: Lim Xanh, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Yêu cầu
Nguồn gốc giống	Hạt giống được thu từ nguồn giống đã được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần tuyển chọn có địa chỉ rõ ràng.
Tuổi cây	Từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu.
Đường kính cổ rễ	Tối thiểu 0,7 cm.
Chiều cao	Tối thiểu 50 cm.
Hình thái chung	Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt.
Bầu cây	- Kích thước bầu: Đường kính tối thiểu 10 cm, chiều cao tối thiểu 16 cm (bầu nặng 0,8kg đến 1,2kg). - Hình thái: Hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu hoặc thấp hơn từ 0,5 cm đến 1 cm, bầu không bị vỡ, bẹp.
Tình trạng sâu, bệnh hại	Không có biểu hiện sâu, bệnh hại trong lô cây giống.

II. Mục tiêu công việc

1. Phạm vi công việc

Làm giàu rừng Tại 09 lô, 03 khoảnh, 02 tiểu khu thuộc 02 xã: Xã Hương Xuân (*Hương Lâm cũ*) và Xã Hương Đô (*Lộc Yên cũ*), tỉnh Hà Tĩnh, do Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê quản lý. Cụ thể các lô: lô 1, 2, 3, 4, 5 – khoảnh 6 – tiểu khu 269 – xã Hương Xuân (*Hương Lâm cũ*); Lô 1, 2, 3 – khoảnh 6; Lô 1 – khoảnh 7 – tiểu khu 201 thuộc địa bàn hành chính xã Hương Đô (*Lộc Yên cũ*) với diện tích 66,0 ha thuộc đối tượng quy hoạch sản xuất, chi tiết tại bảng 1

Bảng 1. Địa điểm, diện tích, quy hoạch, tọa độ, mật độ, nhóm đất, nhóm thực bì các lô thiết kế làm giàu rừng

TT	Tên Xã	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Diện tích (ha)	Quy hoạch	Tọa độ X	Tọa độ Y	Mật độ trồng	Nhóm đất	Nhóm thực bì
Tổng cộng		2	3	9	66						
I	Xã Hương Xuân (xã Hương Lâm cũ)	1	1	5	40,96						
1	Tiểu khu 269	1	1	5	40,96						
1.1	Khoảnh 6	1	1	5	40,96						
		269	6	1	6,76	SX	522995	1996867	330	2	2
		269	6	2	8,68	SX	522665	1996803	330	2	3
		269	6	3	9,27	SX	522671	1996379	330	2	2
		269	6	4	8,03	SX	522527	1996121	330	2	2

		269	6	5	8,22	SX	522709	1996014	330	2	2
II	Xã Hương Đô (xã Lộc Yên cũ)	1	2	4	25,04						
1	Tiểu khu 201	1	2	4	25,04						
1.1	Khoảnh 6	1	1	3	20,05						
		201	6	1	8,32	SX	532026	2016612	330	2	3
		201	6	2	7,16	SX	532065	2016296	330	2	3
		201	6	3	4,57	SX	532092	2016222	330	2	3
1.2	Khoảnh 7	1	1	1	4,99						
		201	7	1	4,99	SX	532423	2016186	330	2	3

2. Giải pháp kỹ thuật

Làm giàu rừng, chăm sóc rừng, trồng dặm, yêu cầu tiến độ phù hợp với mùa vụ căn cứ theo Hồ sơ thiết kế làm giàu rừng tự nhiên chi tiết kèm theo Hồ sơ mời thầu này.

3. Yêu cầu tiến độ tổng thể

Nhà thầu phải thực hiện đúng tổng tiến độ thi công các công việc của gói thầu và thời gian thi công phải hoàn thành trước ngày 31/12/2029, có tính đến điều kiện thời tiết kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Cụ thể:

- Thời gian thi công Làm giàu rừng năm 2025: bắt đầu từ tháng 10/2025 đến hết tháng 12/2025. Để hạn chế ảnh hưởng của mưa to khi cây chưa bén rễ, dễ bị trôi cây, tránh trồng vào những thời điểm nắng to, gió mạnh, thời tiết khô nóng hoặc lạnh giá và phải hoàn thành trước ngày 31/12/2025;

- Thời gian chăm sóc rừng các năm tiếp theo từ 2026-2029 là 48 tháng, đã tính đến điều kiện thời tiết bất lợi, ngày nghỉ, lễ, tết theo quy định. (Chi tiết theo Hồ sơ thiết kế đã được duyệt kèm theo)

+ Nhà thầu phải thường xuyên đối chiếu tiến độ thực hiện so với kế hoạch tiến độ thi công đã thống nhất với Kỹ sư giám sát của Chủ đầu tư để kịp thời có biện pháp xử lý trong quá trình tổ chức thi công.

+ Nếu Kỹ sư giám sát và Chủ đầu tư thấy tiến độ thi công Nhà thầu thực hiện bị chậm, có khả năng làm chậm thời hạn hoàn thành công trình thì Nhà thầu phải có biện pháp cần thiết với sự đồng ý của Kỹ sư giám sát để đẩy nhanh tiến độ theo yêu cầu.

+ Nếu công trình hoàn thành chậm hơn so với thời gian quy định trong quyết định trúng thầu được phê duyệt mà do lỗi Nhà thầu gây ra, thì Nhà thầu phải chịu bù đắp mọi tổn thất và phải chịu phạt theo mức phạt trong hợp đồng được ký kết.

Lưu ý: Riêng năm 2025 dự tính bắt đầu từ tháng 10 nên công tác bảo vệ rừng được tính từ thời điểm này (tức là 3 tháng cho năm 2025). Các năm tiếp theo công tác bảo vệ rừng được tính là 12 tháng/ năm.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:

Yêu cầu về mặt kỹ thuật: Đây là Công trình lâm sinh Làm giàu rừng tự nhiên được đầu tư bằng nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) do đó nhà thầu phải thực hiện toàn bộ các công việc theo quy định hiện hành của nhà nước đối với đầu tư công trình lâm sinh tại thời điểm thi công. Các quy trình kiểm

tra, nghiệm thu phải là các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với quy định của Pháp luật Việt Nam

1. Các văn bản pháp luật và Quy trình, quy phạm áp dụng cho việc thi công, nghiệm thu thi công trồng rừng

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật đất đai số 31/2024/QH15, ngày 18 tháng 01 năm 2024;
- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 91/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2022 của Chính phủ về thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ;
- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;
- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;
- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định về các biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT, ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;
- Thông tư số 05/2024/TT-BNNPTNT ngày 19/4/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra rừng;
- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

- Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT ngày 12/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

- Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định một số định mức kinh tế - kỹ thuật Lâm nghiệp;

- Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH, ngày 06/11/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;

- Thông tư số 11/2005/TTLT-BNV-BLĐTBXH-BTC-UBND ngày 05/01/2005 của Liên Bộ: Nội vụ - Lao động thương binh và xã hội - Tài Chính - Ủy ban dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực;

- Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành định mức xây dựng;

- Tiêu chuẩn quốc gia về làm giàu rừng tự nhiên trên cạn: TCVN 14290-3:2024;

- Tiêu chuẩn Việt Nam 12714-15: 2021 Tiêu chuẩn Quốc gia giống cây Lâm nghiệp – Cây giống các loại cây bản địa phần 15: Lim xanh;

- Quyết định 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 389/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc công bố hiện trạng rừng tỉnh Hà Tĩnh năm 2024;

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ năm 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2856/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong công thức xác định chi phí tiền lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số 2445/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc Về việc phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2024 nguồn thu từ thoả thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2024, tỉnh Hà Tĩnh;

- Quyết định số 788/QĐ-SNN ngày 17/12/2024 của sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch tài chính năm 2024 nguồn thu từ thoả thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2024 của Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê;

- Văn bản số 511/STC-GCS&TCĐN ngày 29/01/2024, số 591/STC-GCS&TCĐN ngày 01/02/2024 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn triển khai thực hiện chi trả nguồn thu từ thoả thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA);

- Văn bản số 745/LN-QBVPTR ngày 30/5/2024 của Cục Lâm nghiệp về việc thực hiện Chi trả nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính khu vực Bắc Trung Bộ.

- Quyết định số 104/QĐ-PHK ngày 10/7/2025 của Ban quản lý rừng phòng hộ Hương Khê về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán Làm giàu rừng - nguồn thu từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2024;

- Hợp đồng số: 2807/2025 - HĐKT ngày 28/7/2025 Thực hiện gói thầu tư vấn: Điều tra, khảo sát lập dự toán làm giàu rừng tự nhiên tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Hương Khê - nguồn thu từ Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ (ERPA) năm 2024.

- Chứng thư thẩm định giá cây giống số 075/209/TVĐN.HT ngày 27/8/2025 của Công ty Cổ phần định giá và tư vấn đầu tư Đà Nẵng.

- Một số các văn bản khác có liên quan và Điều kiện lập địa, hiện trạng rừng tại khu vực thiết kế.

2. Tổ chức thực hiện:

Nhà thầu phải lập một Ban chỉ huy công trường trong đó có phân công, phân cấp trách nhiệm, nhiệm vụ rõ ràng giữa các cá nhân, gồm các nhân lực chủ chốt sau:

Chỉ huy trưởng công trường, các Kỹ thuật thi công, các chức danh khác phục vụ cho việc tổ chức thi công công trường như: An toàn lao động, vệ sinh môi trường, PCCC, Kế hoạch, Kế toán, Thủ kho, Bảo vệ, để tổ chức quản lý thi công trên công trường theo đúng hồ sơ dự thầu của nhà thầu.

Ban chỉ huy công trường của nhà thầu được đóng tại hiện trường để tổ chức quản lý thi công trên công trình, trong đó ngoài Kỹ thuật thi công phải có mặt thường xuyên trên công trường thì Chỉ huy trưởng công trình sẽ có mặt trong tất cả các cuộc họp giữa chủ đầu tư và nhà thầu kể cả đối với công việc của từng nhà thầu liên danh (trong trường hợp liên danh); ký vào các văn bản liên quan trong quá trình thi công xây dựng.

Mọi chi phí cho hoạt động của Ban chỉ huy công trường đã được bao gồm trong giá dự thầu, không được tính toán theo giá dự toán riêng.

3. Chi phí hiện trường:

Nhà thầu sẽ phải có trách nhiệm và bằng chi phí của Nhà thầu để lấy các thông tin cần thiết cho việc lập hồ sơ đề xuất và tham gia các vấn đề khác trong quá trình thực hiện hợp đồng. Chủ đầu tư sẽ không thanh toán bất kỳ khối lượng hoặc nội dung công việc nào nằm ngoài HSMT và thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt.

4. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát trồng rừng mới:

4.1. Yêu cầu đối với công tác thi công

- Nhà thầu phải thi công và hoàn thiện công trình theo đúng hồ sơ thiết kế và tuân thủ các quy trình, quy phạm lâm sinh hiện hành của Việt Nam cũng như phù hợp với điều kiện riêng của làm giàu rừng tự nhiên ở tỉnh Hà Tĩnh và theo chỉ dẫn của cán bộ kỹ thuật giám sát đảm bảo chất lượng yêu cầu của gói thầu và những yêu cầu kỹ thuật được điều chỉnh bổ sung trong thương thảo ký kết hợp đồng.

- Nhà thầu phải bố trí phương tiện máy móc, nhân lực đảm bảo quá trình thi công đạt chất lượng, hiệu quả và đảm bảo tiến độ công trình; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính

chất ổn định, an toàn của tất cả các hoạt động ở hiện trường trong suốt thời gian thi công, hoàn thiện công trình.

- Trong quá trình thi công, nhà thầu phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng thi công. Tất cả các công tác theo dõi và kiểm tra chất lượng tại hiện trường của nhà thầu phải được ghi chép vào sổ nhật ký thi công. Các tài liệu, biên bản nghiệm thu... nhà thầu phải lập thành hồ sơ lưu trữ cả ở công trường và văn phòng của nhà thầu để cán bộ giám sát, cán bộ quản lý dự án, chủ đầu tư và bất kỳ người nào khác được chủ đầu tư ủy quyền có thể tham khảo và xem xét vào bất kỳ thời điểm nào.

- Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ công trình, nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị đưa vào sử dụng cho việc thi công trồng rừng, kể từ ngày khởi công xây dựng công trình đến ngày nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng; nghiệm thu kết thúc gói thầu.

- Nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hay hư hỏng nào đối với diện tích rừng trồng, người lao động, giống trồng rừng, máy móc thiết bị thì nhà thầu phải tự khắc phục, bồi thường bằng chính kinh phí của mình

- Cung cấp toàn bộ cây giống trồng làm giàu rừng đúng yêu cầu kỹ thuật tiêu chuẩn cây trồng theo thiết kế để thi công.

- Tổ chức thực hiện thi công trồng làm giàu rừng tự nhiên đạt yêu cầu kỹ thuật và theo đúng thời hạn hoàn thành gói thầu đã nêu trong hồ sơ dự thầu được chấp thuận.

- Bố trí chuyên gia lành nghề có kinh nghiệm và đủ năng lực đảm bảo thực hiện đúng đắn và đúng thời hạn nghĩa vụ của nhà thầu theo hợp đồng.

- Giám sát theo dõi những khối lượng do mình thực hiện gói thầu trong thời gian thi công và ngay cả trong thời gian bảo hành công trình.

- Nếu chủ đầu tư nhận thấy không thể chấp nhận nhân viên của nhà thầu mà theo ý kiến của chủ đầu tư người đó có hành vi sai phạm hoặc không có năng lực thực hiện đúng đắn nhiệm vụ thì nhà thầu không được phép cho người đó làm việc ở hiện trường, thay thế sớm bằng nhân viên khác.

- Nhà thầu phải báo cáo chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài hiện trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng, hư hỏng, chết người, nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có.

- Trước khi nghiệm thu công trình, nhà thầu phải thu dọn, san trả hiện trường và làm cho khu vực hiện trường được sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm lập đầy đủ hồ sơ hoàn công công trình theo đúng yêu cầu của chủ đầu tư và các tiêu chuẩn nghiệm thu công trình thi công Làm giàu rừng tự nhiên và chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng và chăm sóc các năm tiếp theo.

4.2. Giám sát quá trình thi công:

Giám sát kỹ thuật công trình của Chủ đầu tư được quyền bất cứ lúc nào cũng được tiếp cận các vị trí thi công để kiểm tra công việc thi công của nhà thầu nhằm đảm bảo yêu cầu chất lượng, tiến độ, an toàn... của dự án. Nhà thầu có trách nhiệm cùng cán bộ giám sát kỹ thuật gói thầu của Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ trên.

Toàn bộ vật tư giống cây trồng, cọc giữ cây, cọc mốc chỉ được đưa vào thực hiện gói thầu phải đảm bảo qui định thiết kế, yêu cầu kỹ thuật liên quan và sau khi có văn bản

nhịệm thu của giám sát Chủ đầu tư. Mọi vật liệu, thiết bị bán thành phẩm không được giám sát của Chủ đầu tư chấp nhận phải chuyển khỏi phạm vi hiện trường trồng rừng.

Nhà thầu phải chấp nhận tạm thời bị đình chỉ hoặc hoãn thi công trên công trường và không được đòi hỏi bồi hoàn thiệt hại theo yêu cầu của giám sát thi công và chủ đầu tư trong những trường hợp sau:

- Thi công không đúng yêu cầu trong hồ sơ thiết kế;
- Do lý do an ninh và an toàn bảo vệ môi trường;
- Do khắc nghiệt của thời tiết làm chết cây trồng;

5. Yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu phải đảm bảo công tác phòng chống cháy nổ theo qui định hiện hành và phải được trình bày đầy đủ các biện pháp chi tiết trong hồ sơ dự thầu.

- Nhà thầu phải tuân thủ các quy định: Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Nghị định 105/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; An toàn cháy – Yêu cầu chung TCVN 3254:1989; Phòng cháy - dấu hiệu an toàn TCVN 4879:1989; An toàn nổ - yêu cầu chung TCVN 3255:1986;

- Không để sự cố cháy nổ xảy ra;
- Phải thực hiện biện pháp phòng chống cháy cho công trường; Khu vực có nguy cơ xảy ra cháy nổ cần bố trí vị trí có khoảng cách an toàn tới khu vực dân cư, có biển báo và trang bị dụng cụ, phương tiện phòng chữa cháy thích hợp;

6. Yêu cầu về vệ sinh môi trường:

Trong quá trình thi công công trình, nhà thầu có trách nhiệm:

- Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Lập và thực hiện các biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng bao gồm môi trường không khí, môi trường nước, chất thải rắn, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường.

- Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường.

- Nhà thầu có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

- Bồi thường thiệt hại do những vi phạm về vệ sinh môi trường do mình gây ra trong quá trình thi công và vận chuyển vật liệu, phế thải.

- Không gây ô nhiễm quá giới hạn cho phép tới môi trường ở trong và ngoài công trường do thải ra các yếu tố độc hại như bụi, hơi khí độc, tiếng ồn ... hoặc thải nước, bùn, rác, vật liệu phế thải.

- Nhà thầu phải thiết kế mặt bằng thi công bảo đảm các yêu cầu, đồng thời thể hiện đầy đủ các yếu tố: kho nguyên vật liệu; khu vườn lưu trữ cây giống; khu vực bố trí vật liệu phế thải.

- Khi vận chuyển nguyên vật liệu phải tuân thủ luật lệ giao thông và các quy định của chính quyền địa phương; Phương tiện phải được che chắn kín, giằng buộc vững để tránh bụi, rơi vãi và rơi đổ vật xuống đường.

- Có biện pháp che chắn để chống bụi, tiếng ồn cho khu vực xung quanh.

- Phải thực hiện bảo vệ cây xanh đã có trong khu vực; Chỉ được chặt hạ khi được phép của cơ quan quản lý và đã thực hiện công tác đền bù.

7. Yêu cầu về an toàn lao động:

- Trong quá trình thi công, nhà thầu có trách nhiệm bảo đảm an toàn cho công trình, người lao động, thiết bị, phương tiện thi công làm việc trên công trường.

- Nhà thầu thi công phải đề xuất, thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, tài sản, công trình đang thi công; thiết bị, vật tư phục vụ thi công có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải được kiểm định về an toàn trước khi đưa vào sử dụng.

- Các biện pháp an toàn và nội quy về an toàn phải được thể hiện công khai trên công trường để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải được bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi xảy ra sự cố mất an toàn phải tạm dừng hoặc đình chỉ thi công đến khi khắc phục xong mới được tiếp tục thi công.

- Nhà thầu có trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, phổ biến, tập huấn các quy định về an toàn lao động. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận huấn luyện an toàn lao động theo quy định của pháp luật về an toàn lao động. Nghiêm cấm sử dụng người lao động chưa được huấn luyện và chưa được hướng dẫn về an toàn lao động.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân, an toàn lao động cho người lao động theo quy định khi sử dụng lao động trên công trường.

- Nhà thầu thi công có trách nhiệm bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Nhà thầu phải chuẩn bị bố trí biển báo, rào che chắn thi công ở những nơi cần thiết để bảo đảm an toàn và chỉ dẫn mọi người thực hiện;

- Nhà thầu phải quan tâm đầy đủ đến an toàn của người lao động, thiết bị, vật tư, công trường. Đảm bảo trật tự cho công trình không để xảy ra tình trạng nguy hiểm cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ chính sách, chế độ về bảo hộ lao động như: thời gian làm việc, nghỉ ngơi; lao động nữ; lao động chưa thành niên; bồi dưỡng độc hại; trang bị phương tiện, trang bị bảo hộ lao động; giảm nhẹ khâu lao động nặng nhọc và hạn chế các yếu tố gây độc hại, gây bệnh nghề nghiệp và gây sự cố nguy hiểm; Cần bố trí các tiện nghi phục vụ sinh hoạt cho người lao động bao gồm nhà vệ sinh, nhà trú nắng mưa, nước sinh hoạt, nước uống, nơi nghỉ giữa ca, nơi sơ cấp cứu và phương tiện cấp cứu...

- Phải báo cáo cho Chủ đầu tư các chi tiết về bất kỳ tai nạn, hư hỏng nào trong hoặc ngoài công trường. Trong trường hợp có tai nạn nghiêm trọng hư hỏng hay chết người Nhà thầu phải báo cáo ngay lập tức bằng các phương tiện nhanh nhất sẵn có. Thực hiện đầy đủ quy định về an toàn, vệ sinh lao động và chế độ khai báo, điều tra nguyên nhân tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Nếu trong quá trình thực hiện Hợp đồng có xảy ra bất kỳ tổn thất hư hỏng nào đối với công trình, người lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị thực hiện (không thuộc trách nhiệm bên chủ đầu tư) Nhà thầu phải tự sửa chữa, bồi thường bằng chính kinh phí của mình.

8. Biện pháp huy động vật tư và nhân lực thi công:

8.1. Về vật tư vật liệu:

Vật tư vật liệu phải đảm bảo cung cấp đáp ứng yêu cầu về chất lượng, số lượng, tiến độ cung ứng (hoặc có thỏa thuận hoặc hợp đồng cung cấp).

Vật tư vật liệu đưa vào công trường phải đúng chủng loại, qui cách và chất lượng, theo đúng hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu, phải được kiểm nghiệm chất lượng. Bên A sẽ thường xuyên kiểm tra nếu phát hiện không đúng sẽ bị loại và lập biên bản. Nếu tái phạm với bất kỳ lý do gì, Bên A có quyền từ chối nghiệm thu kể cả khối lượng đối với những công việc có liên quan. Những vật tư vật liệu đưa vào công trình không đảm bảo chất lượng, bị loại thì chậm nhất 24 giờ sau phải đưa ra khỏi công trình. Nếu sau 24 giờ mà đơn vị thi công không vận chuyển ra khỏi công trình thì Bên A có quyền đình chỉ thi công và mọi sự chậm trễ tiến độ và các ảnh hưởng khác Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm;

Đối với các vật liệu quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công trình, trước khi đưa vào thi công phải có nguồn gốc xuất xứ, chủng loại đúng theo hồ sơ mời thầu được duyệt, một số vật liệu dưới dạng thành phẩm phải có cam kết đảm bảo chất lượng của nhà cung cấp.

8.2. Về nhân lực:

Nhà thầu phải có đầy đủ nhân sự và sẽ bố trí đủ cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu ở Mục a) Nhân sự chủ chốt thuộc Khoản 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật.

Ngoài ra, Nhà thầu phải đề xuất và cam kết rằng mình có đầy đủ công nhân kỹ thuật, lao động đáp ứng yêu cầu gói thầu.

Ghi Chú:

+ Do tính chất đây là một gói thầu Làm giàu rừng tự nhiên có phân bổ kế hoạch vốn theo từng năm trồng và năm chăm sóc riêng biệt, hiện nay chưa có quy định pháp lý cho việc điều chỉnh nguồn vốn bố trí từ năm này qua năm khác như các loại công trình khác. Do đó, đề nghị Nhà thầu tham dự thầu tìm hiểu áp dụng các định mức, quy định hiện hành để xây dựng dự toán dự thầu (gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công, thu nhập chịu thuế tính trước và Thuế GTGT) và khuyến cáo không vượt giá trị chi phí xây dựng theo kế hoạch vốn hằng năm của công trình theo hồ sơ thiết kế kèm theo.

+ *Phân công tác bảo vệ rừng các năm đang được tạm tính trên thời gian là 12 tháng/năm. Với năm 2025 thời gian thực hiện công tác này sẽ được các bên thống nhất hiệu chỉnh phù hợp với thời gian triển khai thực tế của gói thầu.*

4. Giải pháp và phương pháp luận:

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V, gồm các phần như sau:

1. Giải pháp và phương pháp luận;
2. Kế hoạch công tác.

Nội dung này phải có trình tự hợp lý, có đầy đủ nội dung đáp ứng yêu cầu của mục 3 Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật thuộc chương III của E-HSMT này.

5. Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả làm giàu rừng theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh và Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT, ngày 12/12/2024 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp.